

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 421/2018/HS-ST

Ngày: 31-10-2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phước

2. Ông Phạm Đức L

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 436/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối các bị cáo:

1) Dương Tuấn A, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/10/1990, tại Lạng Sơn; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: thôn Hl, xã HV, huyện BS, tỉnh LS; nơi đã cư trú: phòng X, Chung cư HD, phường 1Y, Quận G, TPHCM, Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; Con ông: Dương Công Th, sinh năm 1961 và bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2018 đến ngày 27/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2) Hoàng Triệu L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/10/1980, tại BG; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: số nhà Z, ngõ K, đường BK, tổ M, phường HVT, TPTN, tỉnh TN; nơi đã cư trú: xã HS, huyệnHH, tỉnh BG; Nghề nghiệp: Cán bộ TTDN tỉnh TN; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Con ông: Hoàng Văn Tr, sinh năm 1954 (đã chết) và bà: Dương Thị Th, sinh năm 1954; vợ: Đặng Thị Th, sinh năm 1985; con: có 02 con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa)

*** Người làm chứng :**

1) Chị Trần Thị T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

HKTT: Thôn AL, xã QH, huyện QP, tỉnh TB.

2) Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

HKTT: xóm NM, xã BV, huyện CM, tỉnh BK.

3) Anh Thông Lý P, sinh năm 1995 (vắng mặt)

HKTT: Thôn MR, xã PTh, huyện BA, tỉnh NT

***Người chứng kiến:**

1) Anh Lã Thanh B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

HKTT: tổ X, phường TT, TPTN, tỉnh TN.

2) Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1985 (có mặt)

HKTT: số nhà Z, ngõ K, đường BK, tổ M, phường HVT, TPTN, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Tuấn A không có nghề nghiệp ổn định, đầu năm 2017 đến quận GV, thành phố HCM tìm việc làm, do không tìm được việc nên Tuấn A nảy sinh ý định bán bằng giả, chứng chỉ giả lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tuấn A sử dụng số điện thoại 0937.943.996 đăng thông tin nhận làm bằng giả lên mạng Internet cùng số điện thoại của mình để ai có nhu cầu đặt mua bằng giả, chứng chỉ giả sẽ liên lạc với Tuấn A. Khi có người đặt mua bằng, chứng chỉ giả, Tuấn A tiếp tục đặt mua qua mạng internet của những người không quen biết rồi bán lại kiếm lời. Từ giữa năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, Tuấn A đã nhiều lần bán bằng giả, chứng chỉ giả, cụ thể như sau:

Tháng 11/2017, Trịnh Văn Đ (sinh năm 1988, HKTT: Thôn AL, xã QH, huyện QP, tỉnh TB) hiện đang du học ở Nhật Bản) là học sinh cũ của Hoàng Triệu L có gọi điện thoại về Việt Nam qua phần mềm Messenger nhờ L mua giúp 01 bằng liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, ngành điện công nghiệp để hoàn thiện hồ sơ du học của Đ tại Nhật Bản. L đồng ý và vào mạng Internet để tìm địa chỉ nhận làm bằng giả, L thấy thông tin mà Dương Tuấn A đăng tải trên mạng nên đã liên hệ qua phần mềm zalo với Tuấn A. L dùng tài khoản zalo là “HL” số điện thoại 0984804692 liên hệ với Dương Tuấn A qua tài khoản zalo là “Trung K” có số thuê bao 0937943996 để nhắn tin qua zalo với Tuấn A đặt mua bằng giả cho Đ. L và Tuấn A thỏa thuận làm bằng Cao đẳng điện công nghiệp của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội với giá là 4.300.000đồng, sau đó L

thông báo cho Đ giá làm bằng giả là 10.000.000 đồng, Đ đồng ý. Sau khi thỏa thuận và tiếp nhận thông tin của Đ từ L, Tuấn A vào mạng internet để đặt mua bằng giả của 01 người không quen biết cho Đ với giá 2.000.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, Tuấn A gửi cho L bằng giả cùng bản photo công chứng và 01 bảng kết quả học tập mang tên Trịnh Văn Đ của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội qua đường bưu điện theo hình thức “nhận hàng - trả tiền” (COD) cho L. Khi nhận được hàng L đã thanh toán số tiền 4.300.000 đồng qua bưu điện cho Tuấn A đồng thời gửi sang Nhật Bản cho Đ bằng dịch vụ chuyển phát nhanh của bưu điện với mức phí chuyển là 500.000 đồng. Khi nhận được thông tin có bằng Đ nhờ chị gái là Trịnh Thị T (Sinh năm 1981, HKTT: Xã QH, huyện QP, tỉnh TB) chuyển số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản của Hoàng Triệu L mở tại ngân hàng Viettinbank. Tuy nhiên, do bằng không đạt yêu cầu tháng 01/2018 Đ đã nhắn tin qua phần mềm Messenger cho L nhờ chỉnh sửa lại bằng, L tiếp tục liên hệ với Tuấn A qua mạng zalo đã liên hệ trước đó để làm lại chiếc bằng giả khác theo yêu cầu của Đ. Giữa Tuấn A và L đã thống nhất giá làm lại bằng là 3.000.000đ, L thông báo với Đ giá làm lại bằng giả là 5.000.000đ, Đ đồng ý. Tuấn A tiếp tục vào mạng internet đặt người đã làm bằng trước đó cho Đ để làm lại bằng với giá 2.000.000 đồng, khi được bằng Tuấn A gửi bằng giả trên và bảng kết quả học tập kèm theo bản photo công chứng cho L qua đường bưu điện bằng hình thức “nhận hàng - trả tiền” (COD).

Ngày 28/01/2018, L trực tiếp tới bưu điện tỉnh Thái Nguyên tại tổ X, phường PDP, thành phố Thái Nguyên để nhận bằng giả và thanh toán số tiền 3.000.000 đồng để bưu điện chuyển cho Tuấn A. Khi L đi ra từ cửa bưu điện thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên kiểm tra, L thừa nhận đó là bằng giả, cơ quan điều tra đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng gồm: 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điện công nghiệp có số hiệu B791438, số vào sổ cấp bằng: LT.795 thể hiện ngày cấp là 20/8/2014, nơi cấp là Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, người ký cấp là PGS.TS Trần Đức Quý, tên người được cấp bằng là Trịnh Văn Đ (ký hiệu A1); 01 bảng kết quả học tập của Trịnh Văn Đ tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đề ngày 16/7/2014, có chữ ký của TS. Kiều Xuân Thực (Ký hiệu A2).

Hồi 10 giờ ngày 28/01/2018, tiến hành khám xét phòng làm việc của Hoàng Triệu L tại TTDNTN, Cơ quan Công an phát hiện thu giữ: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio màu bạc, Model: PCG - 7Z2L, đã qua sử dụng; 01 Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở dạy nghề; 01 giấy chứng nhận ứng dụng công nghệ E-LEARNING trong quản lý cơ sở dạy nghề; 01 Bằng kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ khí của trường Đại học điện lực Hà Nội; 01 bảng kết quả học tập; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp kỳ thi của Trung tâm dạy nghề điện tử tin học Thái Nguyên, ngành nghề: Tin học văn phòng; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp kỳ thi của Trung tâm dạy nghề điện tử tin học Thái Nguyên, ngành nghề: Tiếng Anh;

01 Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề; 01 Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Khoa sư phạm – KTTN, trường đại học Nông lâm Thái Nguyên; 01 Bằng tốt nghiệp Cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội; 01 Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học của Đại học Điện lực Hà Nội tất cả đều mang tên Hoàng Triệu L; 01 giấy khai sinh bản sao, 01 đơn xin học nghề ngắn hạn đều mang tên Lâm Văn Đg. Tiến hành khám xét chỗ ở của Hoàng Triệu L tại số X tổ M, phường HVT, TPTN hồi 11 giờ 30 phút ngày 28/01/2018 Cơ quan Công an phát hiện thu giữ: 01 túi đựng hồ sơ đề tên Phạm Thị Q và 01 túi đựng hồ sơ mang tên Ma Khánh H. Ngày 07/02/2018, Hoàng Triệu L giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 7.200.000 đồng là tiền L thu lợi từ việc bán bằng giả cho Trịnh Văn Đ.

Tổ công tác của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Cơ quan an ninh điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường X, quận TB, thành phố HCM tiến hành xác minh tại bưu cục Ba Vì – chi nhánh tổng công ty chuyển phát nhanh bưu điện tại Thành phố HCM hồi 14 giờ 15 phút ngày 29/01/2018 phát hiện Dương Tuấn A đang có mặt ở bưu cục có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra Dương Tuấn A thừa nhận đến để nhận tiền bán bằng giả, Tuấn A đã giao nộp cho tổ công tác 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Tuấn A, ngoài ra cơ quan điều tra thu số tiền 7.000.000đ đang để ở túi quần trước bên trái Tuấn A đang mặc, 01 điện thoại di động màu vàng đã qua sử dụng nhãn hiệu IPHONE, thu trên tay phải Dương Tuấn A cầm 02 tờ phiếu gửi dịch vụ chuyển phát nhanh EMS COD (01 phiếu gửi thể hiện người gửi là Dương Tuấn A, người nhận là M-0901252799, 01 phiếu gửi thể hiện người gửi là Dương Tuấn A, người nhận là Dao Duy K– 0163.9696.429). Dương Tuấn A khai nhận đến bộ phận giao dịch COD để nhận số tiền từ việc bán bằng giả cho Hoàng Triệu L, Nguyễn Đình H và 01 đối tượng tên Thông Lý P tại Ninh Thuận. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc đối với Dương Tuấn A và thu giữ các đồ vật, tài sản trên, khám xét nơi ở của Dương Tuấn A không thu giữ gì.

Hồi 18 giờ 30 phút ngày 30/01/2018, tại Cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Thái Nguyên, cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Tuấn A phát hiện tại ứng dụng “Ảnh” có nhiều hình ảnh chụp các bằng tốt nghiệp, bằng kết quả học tập, chứng chỉ giả và hóa đơn chuyển phát nhanh do Tuấn A gửi đi cho những người mua bằng giả, chứng chỉ giả. Dương Tuấn A thừa nhận: khoảng tháng 01/2018, có Nguyễn Đình H (sinh năm 1989; HKTT: Xã BV, huyện CM, tỉnh BK) đã sử dụng tài khoản zalo là “H” với số thuê bao 01656066816 liên hệ với Dương Tuấn A qua tài khoản “Trung K” đặt mua 01 chứng chỉ tiếng Anh trình bộ B của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, hai bên thống nhất giá làm chứng chỉ giả là 1.500.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong, Tuấn A vào mạng Internet để đặt mua của 01 người không quen biết chứng chỉ giả cho H với giá 800.000 đồng. Khi lấy được chứng chỉ Tuấn A gửi qua đường

bưu điện bằng hình thức “nhận hàng - trả tiền” (COD) cho Nguyễn Đình H. Ngày 01/02/2018, Nguyễn Đình H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chứng chỉ Tiếng Anh trình độ B, số hiệu: A1269107, số vào sổ cấp chứng chỉ: 13/QB7892, người được cấp mang tên Nguyễn Đình H, có 01 dấu đỏ của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 01 chữ ký của ông Nguyễn Văn Minh - Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ký hiệu B1) đã mua của Tuấn A.

Quá trình điều tra xác minh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xác định: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội không cấp bằng cho người có tên Trịnh Văn Đ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội xác định nhà trường không cung cấp chứng chỉ ngoại ngữ như nêu trên cho Nguyễn Đình H.

Tại Kết luận giám định số 348/KL-PC54 ngày 06/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên đối với tài liệu của Trịnh Văn Đ kết luận:

1. Hình dấu, chữ ký trên tài liệu cần giám định gồm “Bằng tốt nghiệp Cao Đẳng” cấp cho Trịnh Văn Đ và “Bảng kết quả học tập” cấp cho Trịnh Văn Đ gửi giám định (Ký hiệu A1, A2) được đóng, ký trực tiếp.

2. Hình dấu có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” trên tài liệu cần giám định (A1, A2) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh “Biên bản thu mẫu dấu đề ngày 29/01/2018 của Trường Đại học công nghiệp Hà Nội” và “Biên bản thu mẫu chữ ký đề ngày 29/01/2018 của PGS.TS Trần Đức Quý và TS. Kiều Xuân Thực” (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên PGS.TS Trần Đức Quý trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của PGS.TS Trần Đức Quý trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do một người ký ra.

4. Chữ ký mang tên TS. Kiều Xuân Thực trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký của TS. Kiều Xuân Thực trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 600/KL-PC54 ngày 20/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên đối với tài liệu liên quan đến Nguyễn Đình H xác định:

1. Hình dấu tròn đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI” trên tài liệu cần giám định là “Chứng chỉ tiếng Anh- trình độ B” (ký hiệu B1) so với hình dấu tròn đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh “Công văn số 170/ĐHSPHN-ĐT của Trường đại học sư phạm Hà Nội” (ký hiệu N1) không phải do cùng 01 con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên PGS.TS Nguyễn Văn Minh trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu B1) so với chữ ký của GS.TS Nguyễn Văn Minh trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu N1) không phải do cùng một người ký ra.

Bản cáo trạng số 377/CT-VKSTPTN ngày 02 tháng 09 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Tuấn A về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b,c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và Hoàng Triệu L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, Dương Tuấn A xác định do không có việc làm, cần có tiền tiêu sai nên đã sử dụng số điện thoại 0937.943.996 đăng tin trên internet bán các loại bằng, cấp chứng chỉ giả cùng với số điện thoại của mình, khi có người liên hệ mua thì tiếp tục liên hệ qua mạng để làm và bán lại kiếm lời. Từ giữa năm 2017 Tuấn A đã làm và bán cho một số người trong đó có Hoàng Triệu L và Nguyễn Đình H. Hoàng Triệu L thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do học sinh cũ của mình là Trịnh Văn Đ muốn hoàn thiện hồ sơ du học tại Nhật và nhờ L xem có làm được bằng giả không nên L đã vào mạng tìm và làm bằng giả cho Đ như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Tuấn A và Hoàng Triệu L phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 341; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Dương Tuấn A 24-30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Phạt Bị cáo Hoàng Triệu L 30.000.000đ-40.000.000đ.

Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo Dương Tuấn A 5.000.000đ- 7.000.000đ

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Samsung của Hoàng Triệu L; 01 điện thoại Iphone của Dương Tuấn A; Tịch thu số tiền 14.200.000đ thu của các bị cáo sung quỹ nhà nước.

Trả lại cho Dương Tuấn A 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Tuấn A. Trả lại cho Hoàng Triệu L 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio; các giấy tờ mang tên Hoàng Triệu L

Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy khai sinh bản sao mang tên Lâm Văn Đg, 01 đơn xin học nghề ngắn hạn của Lâm Văn Đg; 01 túi đựng hồ sơ đề tên Phạm Thị Q, 01 túi đựng hồ sơ mang tên Ma Khánh H;

Án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, Lời nói sau cùng bị cáo Tuấn Anh nhận thức được hành vi của mình, do không hiểu biết pháp luật, không lường trước hậu quả xảy ra đến nay rất ăn năn hối hận về hành vi của mình mong hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án hợp lý nhất để cải tạo tốt cũng như có cơ hội sửa chữa lỗi lầm; bị cáo L nhận thức hành vi của mình, ăn năn hối hận về hành vi của mình mong HĐXX xem xét xử ở mức hình phạt thấp nhất hoặc được phạt tiền để tiếp tục được công tác, phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy con nhỏ và có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn khách quan, phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc; biên bản khám xét, vật chứng thu giữ và kết luận giám định. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, Dương Tuấn A đã nhiều lần có hành vi đặt mua bằng giả, chứng chỉ giả của những đối tượng không quen biết rồi bán lại cho những người có nhu cầu làm bằng giả, chứng chỉ giả để hưởng tiền chênh lệch. Hoàng Triệu L đã liên hệ với Tuấn A để mua bằng giả hộ Trịnh Văn Đ để hưởng tiền chênh lệch cụ thể như sau:

Khoảng tháng 11/2017, Trịnh Văn Đ nhờ Hoàng Triệu L mua hộ 01 bằng liên thông từ Trung cấp lên Cao đẳng, ngành điện công nghiệp để hoàn thiện hồ sơ du học của Đ tại Nhật Bản với giá 10.000.000 đồng. L đã thỏa thuận với Dương Tuấn A làm cho Đ 01 bằng Cao đẳng điện công nghiệp của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội với giá là 4.300.000 đồng. Sau đó, Tuấn A vào mạng internet để đặt mua bằng giả của 01 người không quen biết với giá 2.000.000 đồng, sau khi làm xong bằng giả Tuấn A gửi cho L. Khi nhận được bằng L gửi sang Nhật Bản cho Đ với chi phí gửi là 500.000 đồng, do bằng không đạt yêu cầu nên tháng 01 năm 2018, L tiếp tục liên hệ với Tuấn A để chỉnh sửa 01 số nội dung so với bằng giả trước đó với giá thỏa thuận là 3.000.000 đồng, L thông báo với Đ giá là 5.000.000 đồng, Tuấn A thống nhất với người đã làm bằng trước đó với giá 2.000.000 đồng. Sau khi làm xong bằng giả Tuấn A gửi cho L qua đường

bưu điện, đến ngày 28/01/2018 khi Hoàng Triệu L tới Bưu điện tỉnh Thái Nguyên (tại tổ 4, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên) nhận bằng và thanh toán số tiền 3.000.000 đồng cho Tuấn A, khi nhận xong ra đến ngoài cửa thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện, lập biên bản sự việc.

Khoảng tháng 01/2018, Nguyễn Đình H đã liên hệ với Dương Tuấn A làm 01 chứng chỉ tiếng Anh trình bộ B giả của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 02 bên đã thỏa thuận thống nhất với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, Tuấn A vào mạng Internet để đặt mua của 01 người không quen biết chứng chỉ giả cho H với giá 800.000 đồng sau đó chuyển bằng giả trên cho H, ngày 01/2/2018 H đã nộp chứng chỉ trên cho cơ quan điều tra.

Tại Kết luận giám định số 348/KL-PC54 ngày 06/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên đối với tài liệu của Trịnh Văn Đ kết luận:

1. Hình dấu, chữ ký trên tài liệu cần giám định gồm “Bằng tốt nghiệp Cao Đẳng” cấp cho Trịnh Văn Đ và “Bảng kết quả học tập” cấp cho Trịnh Văn Đ gửi giám định (Ký hiệu A1, A2) được đóng, ký trực tiếp.

2. Hình dấu có nội dung “BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI” trên tài liệu cần giám định (A1, A2) so với hình dấu có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh “Biên bản thu mẫu dấu đề ngày 29/01/2018 của Trường Đại học công nghiệp Hà Nội” và “Biên bản thu mẫu chữ ký đề ngày 29/01/2018 của PGS.TS Trần Đức Quý và TS. Kiều Xuân Thực” (ký hiệu M1, M2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên PGS.TS Trần Đức Quý trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký của PGS.TS Trần Đức Quý trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do một người ký ra.

4. Chữ ký mang tên TS. Kiều Xuân Thực trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký của TS. Kiều Xuân Thực trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) không phải do một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 600/KL-PC54 ngày 20/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên đối với tài liệu liên quan đến Nguyễn Đình H xác định:

1. Hình dấu tròn đỏ có nội dung “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI” trên tài liệu cần giám định là “Chứng chỉ tiếng Anh- trình độ B” (ký hiệu B1) so với hình dấu tròn đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh “Công văn số 170/DHSPHN-ĐT của Trường đại học sư phạm Hà Nội” (ký hiệu N1) không phải do cùng 01 con dấu đóng ra.

2. Chữ ký mang tên PGS.TS Nguyễn Văn Minh trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu B1) so với chữ ký của GS.TS Nguyễn Văn Minh trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu N1) không phải do cùng một người ký ra.

Dương Tuấn A mặc dù biết Hoàng Triệu L và Nguyễn Đình H đặt mua bằng giả với mục đích sử dụng trái pháp luật tuy nhiên Dương Tuấn A đã đặt mua các tài liệu giả để bán lại cho Hoàng Triệu L và Nguyễn Đình H thu lợi bất chính 3.860.000đ. Hoàng Triệu L biết Trịnh Văn Đ nhờ mua bằng giả với mục đích sử dụng trái pháp luật vẫn đặt mua của Dương Tuấn A 01 bằng Cao Đẳng giả để bán cho Trịnh Văn Đ thu lợi bất chính số tiền là 7.200.000 đồng, do đó hành vi của các bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan tổ chức.... thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

....b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi, vai trò của các bị cáo: tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó cả 2 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Hoàng Triệu L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình công tác bị cáo có thành tích đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2015, bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương, Bộ trưởng Bộ lao động- thương binh và xã hội tặng Bằng khen là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo L có công việc ổn định được đơn vị nơi công tác xác nhận, có nơi cư trú ổn định và có đơn đề nghị xử phạt bằng hình thức phạt tiền, Hội đồng xét xử thấy xử phạt bị cáo bằng hình thức phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo tác dụng giáo dục pháp luật đối với bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[5] Hình phạt bổ sung: khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Bị cáo Tuấn A phạm tội với mục đích thu lợi nên cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước. Đối với bị cáo L đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với số tiền thu của bị cáo Hoàng Triệu L và của Dương Tuấn A xác định là tiền thu lời từ việc mua bán bằng giả nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với điện thoại thu của các bị cáo sử dụng vào nhắn tin trao đổi mua bán bằng giả cần tịch thu sung quỹ nhà nước, Giấy tờ khám xét mang tên Hoàng Triệu L, Dương Tuấn A và máy tính thu của L không liên quan đến vụ án cần trả cho Hoàng Triệu L, Dương Tuấn A quản lý sử dụng. Tịch thu tiêu hủy những giấy tờ không liên quan đến vụ án khi khám xét, thu tại nhà của Hoàng Triệu L.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Đình H là người đã mua bằng giả của Dương Tuấn A với mục đích nộp hồ sơ thi tuyển công chức, quá trình điều tra H đã nộp lại bằng giả cho cơ quan điều tra lưu tại hồ sơ vụ án và Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Trịnh Văn Đ là người mua bằng giả của Dương Tuấn A thông qua Hoàng Triệu L hiện đang học tập, lao động tại Nhật Bản, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Đ.

Đối với Trịnh Thị T là người được Trịnh Văn Đ nhờ chuyển tiền cho Hoàng Triệu L, chị Tuyết xác định không biết việc mua bằng giả do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài thực hiện hành vi mua và bán bằng giả cho Trịnh Văn Đ, Nguyễn Đình H trong vụ án này, qua xem xét hình ảnh về thông tin của người mua bằng giả, chứng chỉ giả thu giữ từ điện thoại thu giữ của Tuấn A và lời khai của Dương Tuấn A xác định đã nhiều lần mua và bán bằng giả, chứng chỉ giả của một số người khác như: Thông Lý P, sinh năm 1995, HKTT: Thôn MR, xã PTh, huyện BA, tỉnh NT; Đào Duy K, địa chỉ 43/60 Lê Hữu Tr, Quận ST, thành phố ĐN; Lê Quốc A, sinh năm 1994 và Đàm Tấn D, sinh 1996 tại KG; Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 20/11/1994 tại ấp I, xã PTh, huyện CN, tỉnh TrV; Nguyễn Thị Kim Y ở Bưu cục Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; người tên M, địa chỉ số 879 đường 30/4 phường Z, thành phố VT, tỉnh BR- VT; Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 30/6/1999 tại ĐT đến nay chưa có căn cứ xử lý trong vụ án, Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan điều tra làm rõ.

Trong vụ án Dương Tuấn A khai mua bằng giả, chứng chỉ giả của một số người không quen biết thông qua mạng Internet rồi bán kiếm lời, đến nay chưa xác minh được lai lịch địa chỉ nên chưa có căn cứ xem xét, xử lý.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Dương Tuấn A và bị cáo Hoàng Triệu L, phạm tội: “*Làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức*”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 341; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự 2015 xử phạt Dương Tuấn A 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày Tuấn A đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2018 đến ngày 27/06/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 341, Điều 35, điểm i,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Hoàng Triệu L 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

[3] Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 35; khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt bổ sung bị cáo Dương Tuấn A 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

[4] Vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, c khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước của Dương Tuấn A số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và của Hoàng Triệu L số tiền 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone màu vàng Imei 354411068703074 của Dương Tuấn A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu vàng đựng trong 01 (một) bì niêm phong được dán kín, trên búp bì có chữ ký của Điều tra viên Lê Văn Lượng- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Thái Nguyên thu của Hoàng Triệu L

- Trả lại cho Hoàng Triệu L: 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Sony Vaio màu bạc, model PCG-7Z2L, đã qua sử dụng; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 091867291 mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Giấy phép lái xe mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Giấy chứng nhận nghiệp vụ quản lý cơ sở dạy nghề mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Giấy chứng nhận ứng dụng công nghệ E-LEARNING trong quản lý cơ sở dạy nghề mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Bằng kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật cơ khí của trường Đại học điện lực Hà Nội mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) bảng kết quả học tập mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Giấy chứng nhận tốt nghiệp kỳ thi của Trung tâm dạy nghề điện tử tin học Thái Nguyên cấp cho Hoàng Triệu L- chứng chỉ tin học; 01 (Một) Giấy chứng nhận tốt nghiệp kỳ thi của Trung tâm dạy nghề điện tử tin học Thái Nguyên cấp cho Hoàng Triệu L-chứng chỉ Tiếng Anh; 01 (Một) Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trung cấp nghề, Cao đẳng nghề mang tên Hoàng Triệu L; 01 (Một) Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Khoa sư phạm- KTTN cấp cho Hoàng Triệu L; 01 (Một) Bằng tốt nghiệp cao đẳng của trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội cấp cho Hoàng Triệu L; 01 (Một) Giấy chứng nhận tốt nghiệp Đại học của Đại học Điện lực Hà Nội cấp cho Hoàng Triệu L.

-Trả cho Dương Tuấn A 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Dương Tuấn A.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi đựng hồ sơ đề tên Phạm Thị Q; 01 (Một) túi đựng hồ sơ mang tên Ma Khánh H; 01 (Một) Giấy khai sinh bản sao mang tên Lâm Văn Đg; 01 (Một) đơn xin học nghề ngắn hạn của Lâm Văn Đg.

(Hiện vật chứng và số tiền nêu trên đang lưu giữ tại kho và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo biên bản giao nhận số 373 lập ngày 05/9/2018 và ủy nhiệm chi số 91 lập ngày 21/8/2018).

[6] Về Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Tuấn A, Hoàng Triệu L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các Bị cáo Dương Tuấn A, Hoàng Triệu L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Thi hành án hình sự;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền